

BÁO CÁO

kết quả rà soát, thống kê, đánh giá thực trạng đời sống văn hóa của các dân tộc đang sinh sống trên địa bàn tỉnh

Thực hiện Văn bản số 1090/BVH-VHDT ngày 31/3/2016 của Vụ Văn hóa dân tộc - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc đánh giá thực trạng văn hóa các dân tộc thiểu số phục vụ cho việc xây dựng Đề án “Tư liệu văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam” nhằm tổng hợp và hệ thống hóa văn hóa truyền thống của 53 dân tộc thiểu số Việt Nam, từ đó đề xuất và có định hướng phát triển văn hóa truyền thống của các dân tộc trong thời kỳ mới, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước. Ban Dân tộc tỉnh Phú Thọ Báo cáo kết quả rà soát, thống kê, đánh giá thực trạng đời sống văn hóa của các dân tộc đang sinh sống trên địa bàn tỉnh như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Giới thiệu chung.

Phú Thọ là tỉnh miền núi có diện tích tự nhiên 3.532,9 km²; có 13 huyện, thành, thị trong đó có 10 huyện miền núi với 218/277 xã, thị trấn là miền núi; toàn tỉnh có 01 huyện nghèo 30a, 60 xã khu vực III, 76 xã khu vực II (trong đó có 12 xã ATK), 82 xã khu vực I.

2. Dân số, dân tộc.

Dân số toàn tỉnh trên 1,4 triệu người, với trên 30 dân tộc; trong đó riêng dân tộc thiểu số khoảng 230.000 người (chiếm 21% dân số miền núi và chiếm 16% dân số toàn tỉnh). Có 03 dân tộc thiểu số Mường, Dao, Cao Lan (Sán Chay) có nguồn gốc, sống định cư lâu đời tập trung tại các làng, bản, có bản sắc văn hóa đậm nét, ngoài ra có 02 bản người HMông với trên 800 nhân khẩu sống tại 02 bản Mỹ Á xã Thu Cúc, huyện Tân Sơn và bản Khe Nhồi xã Trung Sơn, huyện Yên Lập; có nguồn gốc ở tỉnh Yên Bái di cư về Phú Thọ từ những năm 80 của thế kỷ trước và định cư ổn định từ đó đến nay. Còn các dân tộc thiểu số khác có mặt trên địa bàn là do quá trình vận động xã hội như đi công tác, lấy vợ, chồng và các lý do khác có mặt trên địa bàn sống xen kẽ với các dân tộc khác trên tất cả 13 huyện, thành thị toàn tỉnh.

3. Thực trạng đời sống kinh tế - xã hội.

Đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh sống bằng ngành nghề chính là nông lâm nghiệp, trong đó cây trồng chủ đạo là cây lúa nước, ngoài ra một số loại cây rau màu như khoai, sắn...; cây công nghiệp như chè; cây nguyên liệu giấy như Bạch đàn, keo... trong những năm qua được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đã đầu tư nhiều chương trình dự án chính sách cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nhất là các chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển sản xuất nông lâm nghiệp nhiều loại giống cây trồng, vật nuôi năng xuất, chất

lượng cao được chuyển giao cho nhân dân đồng bào các dân tộc đưa vào sản xuất đem lại hiệu quả kinh tế cao, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện, cơ bản xóa được hộ đói, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh (từ 4-5%/năm). Tuy nhiên do địa bàn miền núi, địa hình phức tạp, thiên tai thường xuyên xảy ra; sản xuất chủ yếu độc canh cây lúa phục vụ tiêu dùng, các ngành nghề dịch vụ và sản xuất hàng hóa chậm phát triển; một bộ phận lớn người dân trình độ thấp, chưa biết áp dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất, năng suất hiệu quả thấp, cho nên tỷ lệ hộ nghèo vùng miền núi đặc biệt khó khăn vẫn còn chiếm tỷ lệ cao (sấp xỉ 20%).

4. Người dân tộc thiểu số tham gia chính quyền các cấp.

4.1. Cấp tỉnh.

- Tổng số cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh là: 8.229 người. Trong đó, là người dân tộc thiểu số có: 605 người (276 nam, 329 nữ), chiếm 7,4 % số cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh. trong đó:

*** Khối các cơ quan Đảng, MTTQ và các đoàn thể.**

Tổng số cán bộ, công chức, viên chức khối đảng, MTTQ và các đoàn thể cấp tỉnh là: 436 người. Trong đó, là người dân tộc thiểu số có 13 người (07 nam, 06 nữ) chiếm 3,2 %. Về thành phần dân tộc: dân tộc Mường: 08 người; dân tộc Tày: 03 người; dân tộc Cao Lan: 02 người.

Cán bộ lãnh đạo, quản lý là người dân tộc thiểu số: trưởng, phó các ban Đảng, MTTQ và các Đoàn thể: 04 người (nam 02 người; nữ 02 người). Trong đó: Cấp trưởng: 02 người. Lãnh đạo các phòng, ban chuyên môn: 01 người.

*** Khối các cơ quan Quản lý Nhà nước.**

Tổng số cán bộ, công chức các cơ quan, đơn vị khối nhà nước cấp tỉnh là: 1420 người. Trong đó, cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số là: 30 người (22 nam; 08 nữ), chiếm 2,1 %. Về thành phần dân tộc: Dân tộc Mường: 26 người; dân tộc Cao Lan : 02 người; dân tộc Thái: 01 người; dân tộc Sán Dìu : 01 người.

Cán bộ lãnh đạo, quản lý các Sở, ngành khối quản lý Nhà nước của tỉnh là người dân tộc thiểu số có 11 người (07 nam; 04 nữ). Trong đó: Lãnh đạo là Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và tương đương: 04 người (nam 04 người). Trong đó: Cấp trưởng: 03 người; cấp Phó: 01 người. Lãnh đạo là Trưởng, Phó các phòng ban chuyên môn: 07 người (03 nam; 04 nữ) . Trong đó: cấp Trưởng phòng: 02 người; cấp Phó phòng: 05 người.

*** Khối hành chính sự nghiệp.**

- Tổng số cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị khối hành chính sự nghiệp cấp tỉnh là: 6.373 người. Trong đó, cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số là: 562 người, (nam 247 người, nữ 315 người) chiếm 8,8 %. Về thành phần dân tộc: Dân tộc Mường: 480 người; dân tộc Tày: 28 người; dân tộc Cao Lan: 16 người; dân tộc Dao: 15 người; dân tộc Nùng: 08 người; dân tộc Sán Dìu: 06 người; dân tộc Pa-cô: 02 người; dân tộc Giáy: 02 người; dân tộc Thái: 01 người; dân tộc Mông : 01 người; dân tộc Khơ-me : 01 người; dân tộc Hoa : 01 người; dân tộc Thổ : 01 người.

Cán bộ lãnh đạo, quản lý là người dân tộc thiểu số: 10 người (08 nam; 02 nữ),

+ Lãnh đạo là Trưởng phòng: 05 người; Phó phòng: 05 người.

4.2. Cấp huyện.

Tổng số cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện là: 22.420 người, trong đó là người DTTS có: 2.861 người (797 nam, 2.064 nữ) chiếm 12,8 % /tổng số CBCC,VC toàn huyện, trong đó:

*** Khối các cơ quan Đảng, MTTQ và các đoàn thể.**

Tổng số cán bộ, công chức, viên chức là: 799 người. Trong đó, là người dân tộc thiểu số: 105 người (nam: 59 người, nữ: 46 người) chiếm 13,1%. Thành phần dân tộc: dân tộc Mường: 96 người; Dao: 03 người; Tày: 03 người; Cao Lan: 02 người; Thái: 01 người.

Cán bộ lãnh đạo, quản lý là người dân tộc thiểu số: 22 người (16 nam; 06 nữ), Bí thư Huyện ủy: 01 người; phó Bí thư Huyện ủy: 04 người; Trưởng, Phó các Ban Đảng, MTTQ và các đoàn thể: 17 người (06 nữ).

*** Khối các cơ quan Quản lý Nhà nước.**

- Tổng số cán bộ, công chức các cơ quan, đơn vị khối Nhà nước cấp huyện là: 1027 người. Trong đó, cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số là: 96 người (nam 70 người; nữ 26 người) chiếm 9,7 %. Thành phần dân tộc: Dân tộc Mường: 90 người; Tày: 03 người; Cao Lan: 03 người;

Cán bộ lãnh đạo, quản lý là người dân tộc thiểu số: 25 người (18 nam; 07 nữ),

+ Chủ tịch UBND huyện: 02 người; Phó chủ tịch UBND huyện: 06 người; Phó Chủ tịch HĐND huyện: 01 người.

+ Là Trưởng , Phó phòng cấp huyện: 16 người (07 nữ).

*** Khối Viên chức sự nghiệp.**

Tổng số viên chức sự nghiệp cấp huyện là: 20.594 người. Trong đó viên chức là người dân tộc thiểu số 2.660 người, (nam 668 người, nữ 1.992 người) chiếm 12,9%. Về thành phần dân tộc: Dân tộc Mường: 2.536 người; dân tộc Cao Lan: 38 người; dân tộc Tày: 34 người; dân tộc Dao: 21 người; dân tộc Nùng: 12 người; dân tộc Mông: 06 người; dân tộc Khơ-me: 03 người; dân tộc Thổ: 02 người; dân tộc Thái: 02 người; dân tộc Sán Dìu: 02 người; dân tộc Hoa: 01 người; dân tộc Nháng: 01 người;

Cán bộ lãnh đạo, quản lý là người dân tộc thiểu số: 126 người (37 nam; 89 nữ), chủ yếu là hiệu trưởng, hiệu phó các trường học và trạm trưởng y tế của các xã miền núi.

4.3. Cấp xã:

Tổng số cán bộ, công chức cấp xã là: 5.791 người. Trong đó là người dân tộc thiểu số 893 người (nam 704 người, nữ 189 người) chiếm 15,4%. Thành phần dân tộc: Dân tộc Mường: 833 người; Dao: 43 người; Tày: 05 người; Cao Lan: 04 người; Nùng : 04 người; Thái: 04 người.

Cán bộ lãnh đạo, quản lý: Là Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch, PCT HĐND; Chủ tịch , PCT UBND xã, phường, thị trấn: 258 người. Cán bộ lãnh đạo MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội cấp cơ sở : 299 người.

Hiện nay đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số trong hệ thống chính trị được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Cán bộ, công chức, cán bộ nữ người dân tộc thiểu số đã được quan tâm, bổ nhiệm giữ các chức danh lãnh đạo quản lý các sở, ngành, phòng, ban chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện. Công tác đào

tạo, bồi dưỡng cán bộ các cấp đặc biệt là cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số đã được coi trọng.

5. Nhà sinh hoạt cộng đồng:

Tính đến nay 100% khu dân cư trên địa bàn tỉnh có nhà văn hóa. Các nhà văn hóa khu trên địa bàn cơ bản hoạt động đúng mục đích, nội dung yêu cầu, là một thiết chế văn hóa - giáo dục mang tính tổng hợp nên hoạt động của nhà văn hóa khu dân cư rất đa dạng và phong phú với nhiều nội dung và hình thức khác nhau, phù hợp với từng đối tượng cụ thể. Ngoài các buổi sinh hoạt Chi bộ, họp khu, sinh hoạt của các đoàn thể, Nhà văn hóa khu còn là nơi tổ chức các hoạt động tuyên truyền phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước đến người dân. Tổ chức các buổi gặp mặt, tọa đàm nhân kỷ niệm các ngày lễ của dân tộc cũng như địa phương. Tổ chức hoạt động của các Câu lạc bộ, các hoạt động văn hóa, văn nghệ thể dục, thể thao, vui chơi giải trí, nói chuyện chuyên đề, nói chuyện truyền thống.

6. Nghề thủ công truyền thống:

Trong những năm gần đây nhân dân các dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi trên địa bàn tỉnh đã biết phát huy ngành nghề truyền thống, Đảng bộ chính quyền các địa phương đã có chủ trương khuyến khích thu hút các doanh nghiệp, các nhà đầu tư, đầu tư vào các lĩnh vực dịch vụ và du lịch, trong đó ưu tiên đầu tư cho phát triển cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất tạo ra các sản phẩm du lịch; phát triển các ngành nghề mà huyện có lợi thế như sản xuất thịt chua, chổi chít xuất khẩu, chế biến chè xanh, nghề đan lát, nghề mộc,...

7. Tri thức dân gian:

Phú Thọ nơi cội nguồn Đất Tổ, cộng đồng các dân tộc với tinh thần cần cù, sáng tạo trong lao động, sản xuất, kiên cường, dũng cảm trong bảo vệ quê hương đất nước, đã giành được nhiều thắng lợi vẻ vang, tô thắm thêm truyền thống lịch sử hào hùng trên quê hương đất Tổ. Là vùng tiếp giáp với Văn hóa dân tộc Mường Hòa Bình, Văn hóa dân tộc Thái Sơn La và Nghĩa Lộ nổi tiếng, Văn hóa các dân tộc Tày, Nùng, Dao Yên Bái, Tuyên Quang...đồng thời là một trong những chiếc cầu nối chuyển tiếp giữa hai nền Văn hóa Việt - Mường, do vậy Phú Thọ có nhiều sắc thái văn hóa đặc trưng, đan xen và giao thoa rõ nét.

Trong nền văn hoá đa dạng mà thống nhất ấy, những giá trị văn hoá của cộng đồng các dân tộc ít người có vị trí quan trọng. Mỗi dân tộc hình thành một quan niệm riêng trong lao động, sản xuất và đời sống, như: Về tri thức dân gian trong sản xuất nông nghiệp, về tập quán sinh hoạt, về cách chữa bệnh bằng thuốc nam. Từ đó góp phần xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc của tỉnh.

8. Lễ hội, trò chơi dân gian:

- Trên địa bàn tỉnh có nhiều di tích lịch sử văn hóa, trong đó có Di tích Lịch sử Quốc gia Đền Hùng, ngoài ra còn có nhiều di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia và cấp tỉnh khác. Cùng với những di sản văn hóa vật thể, các dân tộc sinh sống trên địa bàn tỉnh với những phong tục tập quán khác nhau, đã tạo ra nhiều loại hình di sản văn hóa phi vật thể vô cùng độc đáo, đó là những lễ hội dân gian truyền thống gắn với các di tích được tổ chức thường niên hàng năm với

những nét đặc sắc riêng đã tạo nên sức cuốn hút đối với nhân dân và du khách thập phương như: Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng; Lễ hội Đền Mẫu Âu Cơ xã Hiền Lương, huyện Hạ Hòa; Lễ hội Đình Ngọc Tân xã Ngọc Quan huyện Đoan Hùng, Lễ hội Đền Lãng Xương, xã Trung nghĩa huyện Thanh Thủy; Lễ hội Đền Du Yên, xã Chí Tiên, huyện Thanh Ba; Lễ Hội Phết xã Hiền Quan, huyện Tam Nông và nhiều các lễ hội khác...

Nhiều loại hình văn hóa, văn nghệ dân gian tiêu biểu như: hát xoan, múa bông, múa trống đu, hát ví, hát giang, diễn tấu công chiêng của người Mường, múa lập tĩnh của người Dao; hát Sinh ca, Vèo ca, múa Chim Gâu, múa Xúc tép, dân tộc Cao Lan huyện Đoan Hùng. Hầu hết các trò chơi, trò diễn dân gian đều gắn với truyền thuyết, lịch sử của di tích như: đập niêu, vật dân tộc, cờ người, kéo co, bắn nỏ, đu trà, đẩy gậy, chọi gà, ném còn, đi cà kheo, kéo co, bịt mắt đánh trống.....với những cố gắng đó đã tích cực góp phần làm cho đời sống tinh thần của nhân dân các dân tộc trong tỉnh trở nên phong phú, sinh động gắn bó với cội nguồn, qua đó nhằm thu hút khách du lịch đến tham quan và khám phá, khai thác các giá trị văn hoá truyền thống phục vụ cho du lịch di sản vật thể, phi vật thể trên địa bàn tỉnh.

Một số huyện phía tây nam như: Thanh Sơn, Thanh Thủy, Tam Nông...có di tích lịch sử văn hóa nằm trong hệ thống các di tích thờ Đức Thánh Tản Viên của vùng đồng bằng trung du Bắc Bộ, không gian văn hóa thực hành di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại “Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương” với mục tiêu bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử văn hóa, trong những năm qua được sự quan tâm của các cấp ủy, chính quyền và nhân dân địa phương nhiều di tích trên địa bàn huyện đã được đầu tư tu bổ, tôn tạo, phục hồi, lễ hội bị mai một đã và đang được phục hồi. Những công trình hoàn thành không những góp phần làm cho cảnh quan thêm đẹp mà còn làm cơ sở quan trọng cho việc giữ gìn, tuyên truyền, giáo dục truyền thống yêu nước, lịch sử cách mạng thông qua các hoạt động tại di tích.

Tại những điểm đến di tích khai thác những sản phẩm du lịch là những đặc sản của địa phương để du khách thưởng thức và mua làm quà như: bánh nẳng, bánh sừng bò; bánh đúc; rượu hoẵng, rượu ngô, xôi ngũ sắc, chuối phắn vàng, khoai tắng...và các sản vật nông nghiệp sạch phong phú, đa dạng cung cấp cho các nhà hàng và phục vụ du khách.

9. Tôn giáo tín ngưỡng.

Trên địa bàn tỉnh các dân tộc Mường, Dao, Cao lan không theo tôn giáo, chỉ có một nhóm nhỏ người dân tộc Mông với 30 hộ, 217 người ở Khu Nhồi, xã Trung Sơn, huyện Yên Lập theo Công Giáo nhưng không có nhà Thờ, chỉ thực hiện tại gia.

II. THỰC TRẠNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Dân tộc Mường.

1.1. Ẩm thực:

Ẩm thực của dân tộc mường, trước hết cơm nếp được thay cơm tẻ và được nấu theo cách thức của tổ tiên tộc Mường để lại, đó là cơm lam. Cơm lam còn

được bà con dùng để cúng thần rừng cầu mong mọi sự tốt lành; khúc cơm lam, quả trứng luộc nhuộm đỏ còn dùng để cúng vía cho trẻ nhỏ. Đã có cơm lam trong mâm thì phải có món cá nướng, cá muối; cá nướng phải là cá đánh bắt từ suối. Món cá muối thính này thường ăn sống kèm với các loại rau như: sung, đinh lăng, lá ổi, mùi tàu, hành, ớt, sả, tỏi... Bữa cơm sẽ mất ngon nếu thiếu bát canh đặc sản, đó là canh da trâu với món rau rừng; canh da trâu với món rau rừng không phải lúc nào cũng được chế biến, nó thường đi cùng với cơm lam cá muối hoặc cá nướng.

Ẩm thực của người Mường, đó là món lợn thui luộc, người thường thức món ăn này sẽ cảm nhận được độ ngọt của thịt lợn, giòn của bì và mỡ, mùi thơm của lá chuối, hương vị của hạt dổi, đậm đà của muối rang. Thịt lợn muối chua, người thường thức món ăn thịt lợn chua sẽ cảm nhận được màu sắc của thịt, ngậy của bì, độ chua của men rừng, độ mặn vừa phải của muối, độ thơm của gạo. Món ăn này thường được ăn với các loại lá rừng. Măng chua nấu thịt gà, món ăn này khi ăn thịt gà, măng chua, hạt dổi được quện với nhau mang hương vị đặc trưng vốn. Xôi các màu; người ta tạo ra màu xôi từ các thứ cây thân và lá, sau đó lần lượt cho gạo màu đỏ xuống trước, sau là màu xanh, vàng, tím, trắng cho lên trên cùng. Khi xôi chín, dỡ ra rồi trộn với nhau hoặc để riêng từng màu thành loại xôi nhiều màu với hương vị khác nhau trông rất đẹp mắt. Đây là một món ăn dân tộc được rất nhiều người ưa chuộng bởi sự bắt mắt của nó.

1.2. Trang phục truyền thống:

Trang phục dân tộc Mường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ cơ bản giống với trang phục dân tộc Mường Hòa Bình, tuy nhiên hiện nay không được sử dụng nhiều, chỉ có cán bộ, công chức của một số cơ quan, đơn vị sử dụng trong những ngày lễ, hội...

1.3. Tiếng nói, chữ viết.

Dân tộc Mường cả nước nói chung và Phú Thọ nói riêng không có chữ viết. Tiếng nói tuy vẫn được duy trì, nhưng vì không có chữ viết cho nên từ ngữ riêng bị mai một đi rất nhiều, hiện nay nhiều tiếng Mường mượn nhiều từ ngữ tiếng Việt, chỉ giữ lại được giai điệu.

2. Dân tộc Dao.

2.1. Ẩm thực

Ẩm thực người Dao Cũng giống như một số dân tộc, thường xuyên đồ xôi để ăn trong những ngày Tết và lễ như: lễ vào nhà mới, lễ cưới...đặc biệt trong Tết Thanh minh còn đồ xôi nhiều màu. Ngoài các nguồn lương thực chính là gạo và ngô, người Dao cũng có nhiều món chế biến từ thịt và cá rất đa dạng như: Thịt bò, thịt trâu còn tươi cũng được đem xào chín với gừng. Chỉ có lòng gan lợn. thịt chim, thịt chuột đồng, nhộng tằm được xào khô và cho thêm hành, gừng hoặc lá chanh thái nhỏ và cho một ít rượu. Đối với các nghi lễ của người Dao như đám cưới, vào nhà mới, đám ma, có một số món ăn thường được chế biến theo chuẩn mực đã được tập quán cộng đồng quy định. Chẳng hạn, trong đám cưới thường phải có các món như: xôi, thịt lợn luộc, thịt gà thối, xương lợn nấu với một số món như măng, đậu tương hầm... Nhìn chung, nếu đám cưới to thì có khá nhiều món và được chế biến như trong những ngày Tết Nguyên đán. Trong lễ cấp sắc, họ thường ăn thịt lợn, thịt gà cùng với một số món như cá suối và thịt sóc để cúng

lễ. Còn trong đám ma có thịt lợn luộc, thịt lợn xào, rau cải nấu, nhất thiết phải có món đu đủ nấu hoặc bí chuối rừng nấu với xương lợn.

2.2. Trang phục truyền thống:

Trang phục dân tộc Dao trên địa bàn tỉnh Phú Thọ cơ bản giống với trang phục dân tộc Dao ở các địa phương khác, tuy nhiên hiện nay cũng chỉ được sử dụng trong những ngày lễ, hội...

2.3. Tiếng nói, chữ viết.

Dân tộc Dao là dân tộc có chữ viết. Tiếng nói tuy vẫn được duy trì cơ bản, được sử dụng thường xuyên trong cộng đồng người dân tộc Dao.

3. Dân tộc Cao lan (Sán Chay).

3.1. Ẩm Thực.

Ẩm thực dân tộc Cao Lan cũng giống một số dân tộc khác trong vùng, trong đó món ăn truyền thống đậm bản sắc dân tộc đó là “Xôi ngũ sắc”. Nhờ đôi bàn tay khéo léo của người phụ nữ dân tộc Cao Lan mà xôi ngũ sắc đã được lưu truyền nhiều đời nay trong làng và một số ẩm thực truyền thống khác...

3.2. Trang phục truyền thống:

Trang phục dân tộc Cao Lan trên địa bàn tỉnh Phú Thọ cơ bản giống với trang phục dân tộc Cao Lan ở các địa phương khác, tuy nhiên hiện nay cũng chỉ được sử dụng trong những ngày lễ, hội...

3.3. Tiếng nói, chữ viết.

Dân tộc Cao Lan không có chữ viết. Tiếng nói tuy vẫn được duy trì, nhưng vì không có chữ viết cho nên từ ngữ riêng bị mai một đi rất nhiều, hiện nay nhiều tiếng Cao Lan mượn nhiều từ ngữ tiếng Việt, chỉ giữ lại được giai điệu.

III CÁC GIẢI PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN VIỆC BẢO TỒN, PHÁT TRIỂN CÁC VĂN HÓA DÂN TỘC THIỂU SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

- Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư, huy động các nguồn lực trong xã hội tham gia phát triển sự nghiệp văn hoá thông tin, chú trọng nâng cấp, bổ sung trang thiết bị cho nhà văn hoá khu dân cư. Giữ gìn, bảo tồn phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, tăng cường quản lý các hoạt động lễ hội, khai thác có hiệu quả các thiết chế văn hoá, thể thao.

- Phát huy toàn diện phong trào thể dục thể thao quần chúng; khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết chế thể thao từ huyện đến cơ sở; đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động văn hoá thể thao. Nâng cao chất lượng phát thanh, truyền hình, đổi mới phương pháp đưa thông tin về cơ sở để chuyển tải chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước đến với người dân, đồng bào dân tộc thiểu số đầy đủ kịp thời.

- Tiếp tục thực hiện chương trình phối hợp để tổ chức triển khai thực hiện tốt các chính sách chế độ đối với người làm công tác dân tộc và đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện.

- Thường xuyên, quan tâm chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nguồn cán bộ dân tộc thiểu số tại các trường phổ thông, trường bán trú, trường DTNT, phát hiện và bồi dưỡng đưa vào

quy hoạch tạo nguồn cán bộ từ khu dân cư đến xã, đến huyện mang tính chiến lược lâu dài.

- Tăng cường sự lãnh đạo của cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp trong việc thực hiện các chính sách chế độ đối với người làm công tác dân tộc và đồng bào dân tộc thiểu số. Thường xuyên quan tâm công tác đào tạo bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số đủ trình độ, năng lực để thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương; cụ thể hoá kế hoạch có quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là người dân tộc thiểu số. Sắp xếp, bố trí cán bộ hợp lý, coi trọng công tác phát triển đảng viên trong đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tăng cường phối hợp trong công tác tham mưu, đề xuất, phối hợp các cơ quan đơn vị để xây dựng chương trình kế hoạch biện pháp tổ chức thực hiện các chính sách dân tộc, tăng cường chăm lo bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ cho người trực tiếp làm công tác dân tộc đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ NHẪM BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ.

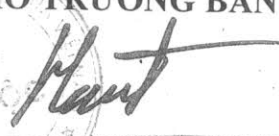
- Chính phủ và các bộ, ngành trung ương tiếp tục có chính sách hỗ trợ nhằm bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống các dân tộc thiểu số; chỉ đạo các địa phương tổ chức các cuộc thi nói tiếng dân tộc, thi mặc trang phục dân tộc đẹp, thi hát những làn điệu dân ca của các dân tộc... Biên soạn nội dung và mở các lớp tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho người trực tiếp làm công tác dân tộc, công tác văn hoá đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay.

- Cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp thường xuyên quan tâm chỉ đạo công tác dân tộc, công tác văn hoá, nhằm bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống các dân tộc thiểu số, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, công tác văn hoá từ huyện tới cơ sở.

Trên đây là kết quả rà soát, thống kê, đánh giá thực trạng văn hoá các dân tộc thiểu số đang sinh sống trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. Ban Dân tộc tỉnh Phú Thọ trân trọng báo cáo, mong nhận được sự quan tâm giúp đỡ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du Lịch./.

Nơi nhận:

- Bộ VH,TT&DL;
- Lãnh đạo Ban;
- Các Phòng: CS, VP;
- Lưu VT.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Đinh Phúc Hạnh